

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
BÀN KHIỂN DS-1200KI
HIKVISION



Version V2.8 11.12.2017

Hỗ Trợ Kỹ Thuật (0283) 9815678

MỤC LỤC

1. Active thiết bị.....	3
2. Cấu hình qua trình duyệt web.....	3
2.1. Đăng nhập thiết bị.....	3
2.2. Quản lý thiết bị - Device Management	4
2.3. Quản lý hệ thống - System Management.....	5
2.4. Quản lý mạng – Network Management.....	6
2.5. Cài đặt địa chỉ Bit – Address Bit Settings.....	6
2.6. Khai báo Matrix – Matrix Access Gateway.....	7
3. Cấu hình trực tiếp trên bàn phím.....	7
3.1. Thiết lập chế độ điều khiển.....	9
3.2. Điều khiển thiết bị.....	10
3.3. Cài đặt hệ thống	10

1. Active thiết bị

The screenshot shows the SADP interface with a table of 9 devices. Device 007 is highlighted as 'Inactive'. To the right, the 'Activate the Device' panel is visible, featuring a password input field, a strength indicator, and an 'Activate' button. Red annotations in Vietnamese are overlaid on the image:

- Nhập mật khẩu cho thiết bị** (Enter password for the device) pointing to the password field.
- Bấm chọn** (Click) pointing to the 'Activate' button.

ID	Device Type	Status	IPv4 Address	Port	Software Version	IPv4 Gateway	HTTP Port	Device Serial No.
001	DS-7216HUHI-F2/N	Active	192.168.1.113	8000	V3.4.80build 170...	192.168.1.1	81	DS-7216HUHI-F2/N162016060
002	DS-7216HQHI-F2/N	Active	192.168.1.118	8002	V3.4.84build 170...	192.168.1.1	82	DS-7216HQHI-F2/N162016080
003	DS-2PT3326IZ-DE3	Active	192.168.1.164	8000	V5.4.9build 1709...	192.168.1.1	80	DS-2PT3326IZ-DE320171125
004	HDS-2012IRP	Active	192.168.1.230	8070	V5.4.5build 1701...	192.168.1.1	89	HDS-2012IRP20160125AAWF
005	HDS-PT2010IRPW	Active	192.168.1.89	8000	V5.4.5build 1701...	192.168.1.1	80	HDS-PT2010IRPW20150527AA
006	DS-K1T803MF	Active	192.168.1.59	8000	V1.0.0build 1609...	168.168.1.1	80	DS-K1T803MF20160910V01000
007	DS-1200KI	Inactive	192.0.0.64	8000	V1.0.1 build1706...	192.0.0.1	80	783466392
008	HDS-2020IRPW	Active	192.168.1.199	8000	V5.4.5build 1701...	192.168.1.1	80	HDS-2020IRPW20170223AAWF
009	DS-K1T803MF	Active	192.168.1.57	8000	V1.0.0build 1609...	192.168.1.1	80	DS-K1T803MF20160910V01000

2. Cấu hình qua trình duyệt web

Chú ý: Camera phải được thêm vào bàn khiển qua giao diện web, không hỗ trợ giao diện trực tiếp.

Hỗ trợ kết nối 1000 thiết bị, quản lý 16 user account, 1 admin và 15 operators.

2.1. Đăng nhập thiết bị

Truy cập bằng địa chỉ: <https://địa chỉ ip thiết bị:port web>

Ví dụ: <https://192.168.1.48:82>

The screenshot shows a web browser window with the URL https://192.168.1.48/doc/page/login.asp?_1513669312820. The page title is 'Network Keyboard'. The main content area features a 3D graphic of a keyboard with a mouse and a login form on the right. The login form includes:

- A text input field containing 'admin'.
- A password input field with masked characters '.....'.
- A red 'Login' button.

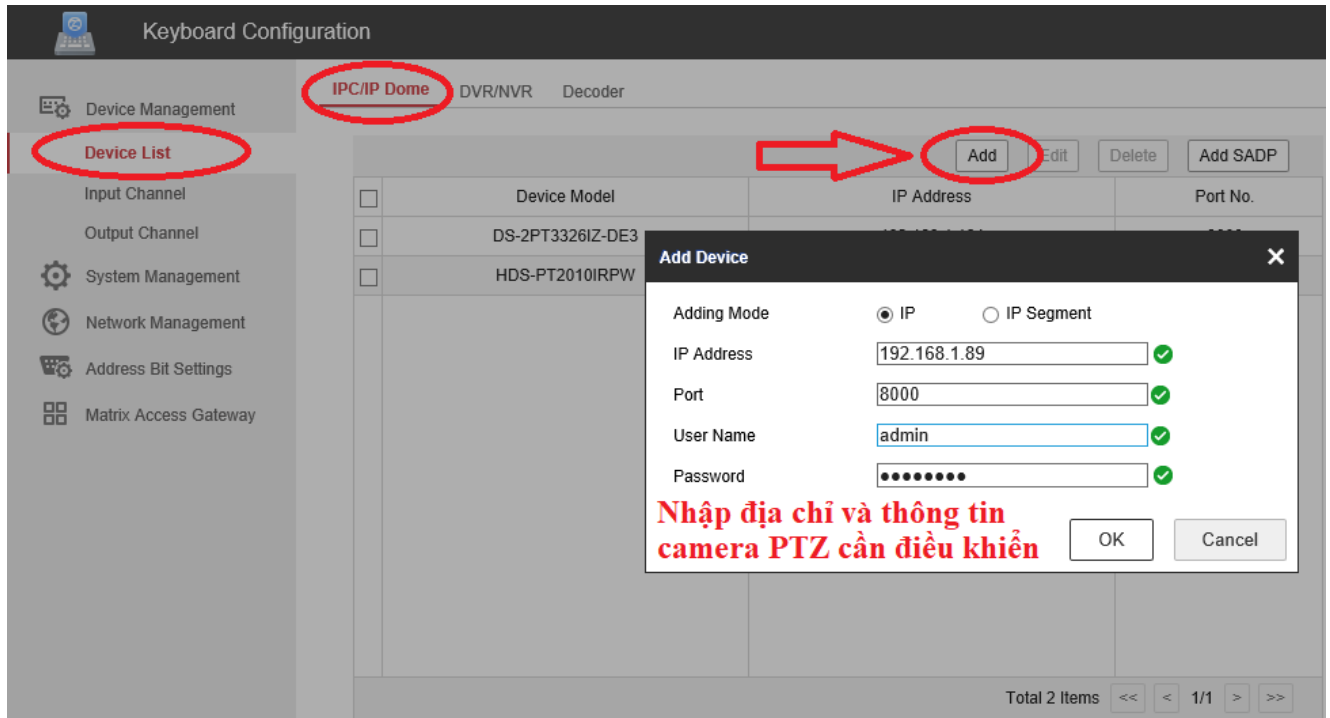
At the bottom of the page, the copyright notice reads: ©Hikvision Digital Technology Co., Ltd. All Rights Reserved.

2.2. Quản lý thiết bị - Device Management

* Danh sách thiết bị – Device List

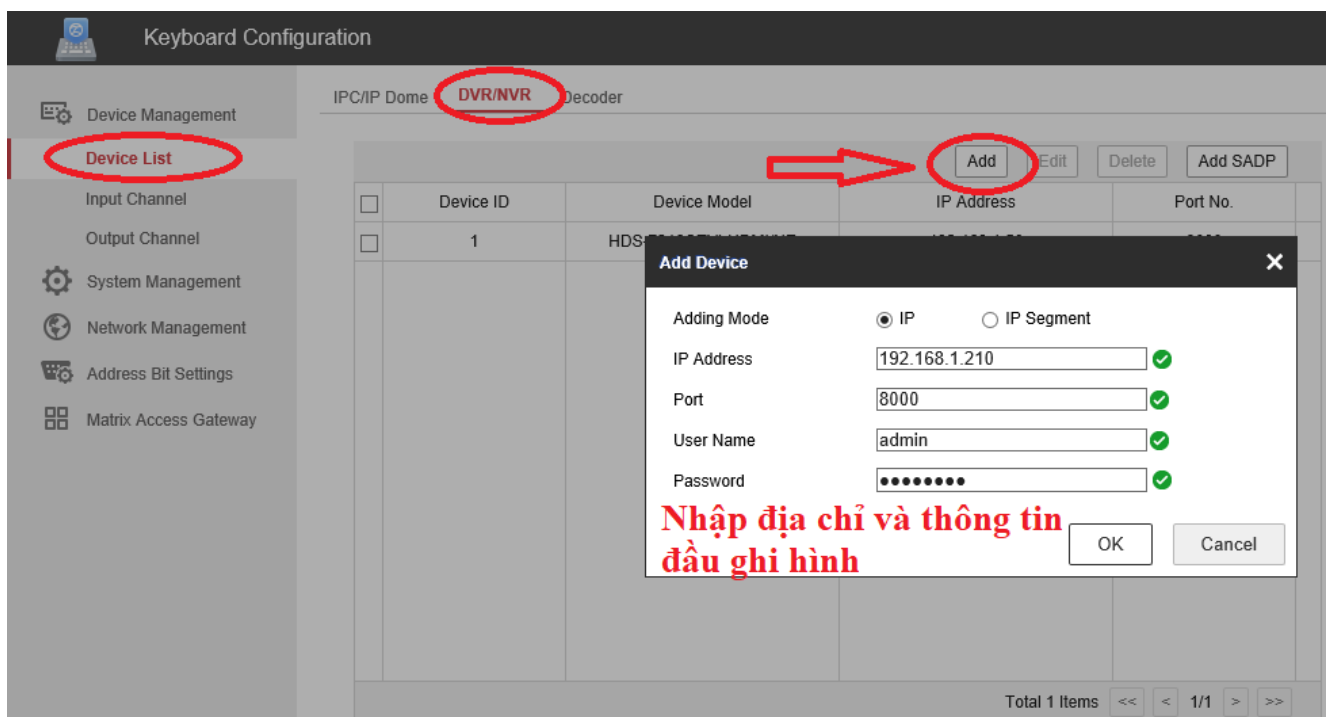
- Thêm thiết bị là camera **IP Speed Dome PTZ**

Có thể thêm camera bằng tay bằng cách bấm “**Add**” hoặc bằng cách bấm “**Add SADP**” để thêm các camera đang online trong mạng.



- Thêm thiết bị là **đầu ghi hình DVR/NVR**

Có thể thêm đầu ghi hình bằng tay bằng cách bấm “**Add**” hoặc bằng cách bấm “**Add SADP**” để thêm các đầu ghi hình đang online trong mạng.



* Kênh đầu vào – Input Channel

Để điều khiển được camera cần phải biết **ID** của camera khi được thêm vào bàn điều khiển

Keyboard Configuration

Device Management
Device List
Input Channel
Output Channel
System Management
Network Management
Address Bit Settings
Matrix Access Gateway

Input List Input Group

Import Export

ID	Camera Name	Chan No.	Device Model	IP Address	Port No.	Stream Type
1	Camera 01	1	DS-2PT3326IZ-DE3	192.168.1.164	8000	Main Stream
2	Camera 02	2	DS-2PT3326IZ-DE3	192.168.1.164	8000	Main Stream
3	Camera 03	3	DS-2PT3326IZ-DE3	192.168.1.164	8000	Main Stream
4	Camera 04	4	DS-2PT3326IZ-DE3	192.168.1.164	8000	Main Stream
5	Camera 01	1	HDS-PT2010IRPW	192.168.1.89	8000	Main Stream

Total 5 Items << < 1/1 > >> Edit

2.3. Quản lý hệ thống - System Management

* Quản lý người dùng – User Management

Keyboard Configuration

Device Management
System Management
Version
User Management
Maintenance

User Management

ID	User Name	User Type	Device
1	admin	Administrator	--

Add Edit Delete

Tạo người dùng mới

Keyboard Configuration

Device Management
System Management
Version
User Management
Maintenance
Aux Key Settings
Network Management
Address Bit Settings
Matrix Access Gateway

User Management

Add User

User Name: user01 ✓

User Type: Operator

Password: ●●●●●● Weak

8 characters allowed, and you can use a combination of numbers, lowercase and uppercase letters for your password with at least two kinds of them contained.

Confirm Password: ●●●●●● ✓

Select Linked Device

ID	Device Type	IP Address	Port No.	Device Model	
<input checked="" type="checkbox"/>	1	IPC/IP Dome	192.168.1.164	8000	DS-2PT3326IZ-DE3
<input type="checkbox"/>	2	IPC/IP Dome	192.168.1.89	8000	HDS-PT2010IRPW

Selected 1 Total 2 Items << < 1/1 > >>

OK Cancel

2.4. Quản lý mạng – Network Management

Thiết lập địa chỉ mạng cho bàn khiển

The screenshot shows the 'Keyboard Configuration' page. On the left is a navigation menu with 'Network Management' selected. The main content area is titled 'IP Address Settings' and contains a table of configuration options:

DHCP	<input type="checkbox"/> Enable
IP Address	192.168.1.48
Gateway	192.168.1.1
Subnet Mask	255.255.255.0

Below the table is a red 'Save' button.

2.5. Cài đặt địa chỉ Bit – Address Bit Settings

- Thiết lập địa chỉ **RS-485** cho bàn điều khiển

The screenshot shows the 'Keyboard Configuration' page with 'Address Bit Settings' selected in the navigation menu. The main content area is titled 'RS485' and contains a table of configuration options:

Address Bit	0
Baud Rate	9600
Data Bit	8
Stop Bit	1
Pairty	None
Protocol	PELCO-P

Below the table are 'Copy to All' and 'Save' buttons.

- Thiết lập địa chỉ **RS-422** cho bàn điều khiển

The screenshot shows the 'Keyboard Configuration' page with 'Address Bit Settings' selected in the navigation menu. The main content area is titled 'RS422' and contains a table of configuration options:

Address Bit	0
Baud Rate	9600
Data Bit	8
Stop Bit	1
Pairty	None
Protocol	PELCO-P

Below the table is a red 'Save' button.

2.6. Khai báo Matrix – Matrix Access Gateway

⌨ **Keyboard Configuration**

- ⚙ Device Management
- ⚙ System Management
- 🌐 Network Management
- ⚙ Address Bit Settings
- 📶 **Matrix Access Gateway**

Matrix Access Gateway

IP Address

Port

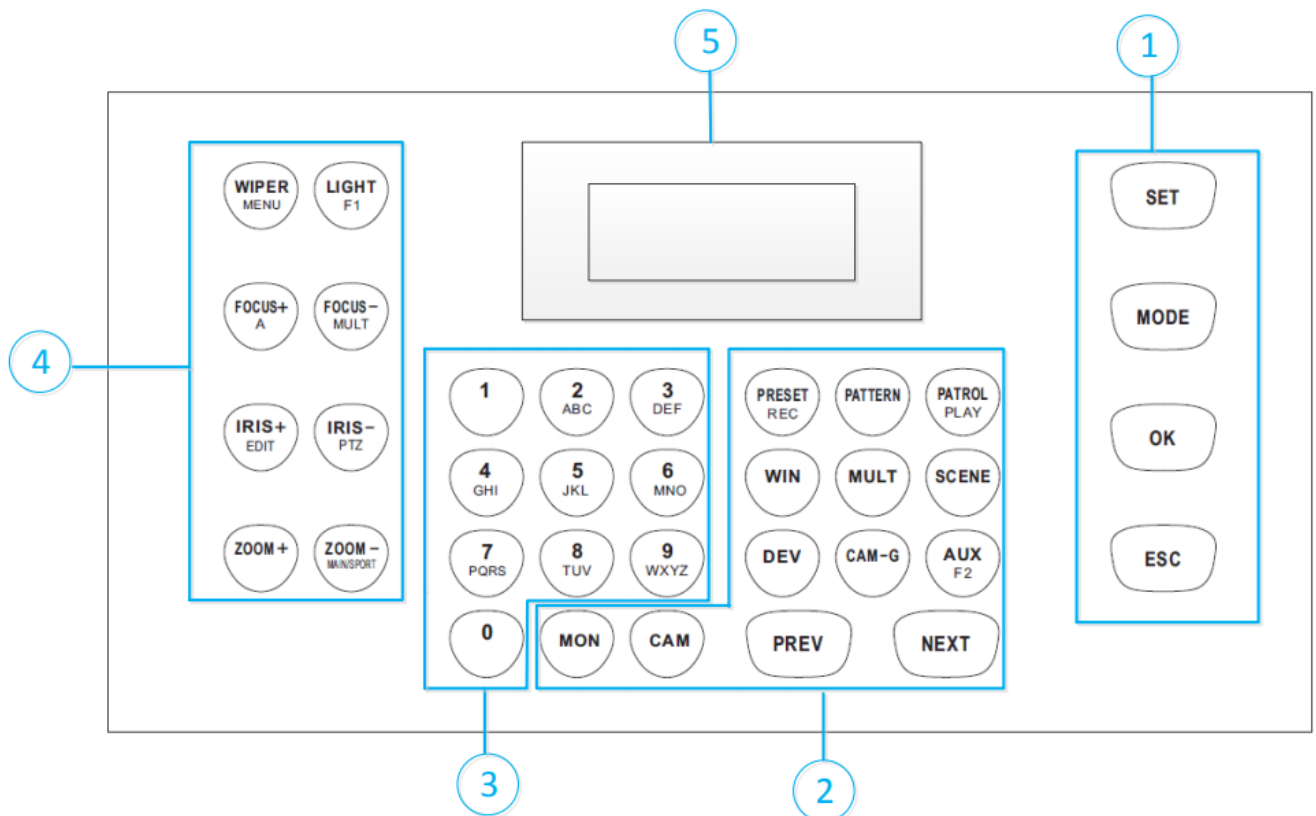
User Name

Password

💾 Save

3. Cấu hình trực tiếp trên bàn phím

Các phím chức năng



STT	Mục	Nút nhấn	Chức năng
1	Các phím chung	SET	Vào Menu chính của bàn phím
		MODE	Vào 6 chế độ hoạt động của bàn phím
		OK	Xác nhận lựa chọn và vận hành
		ESC	Hủy và trở lại menu trước
2	Điều khiển Video Wall	MON	Trong chế độ hoạt động phím tắt, sử dụng với các phím số để chọn màn hình
		CAM	Trong chế độ hoạt động phím tắt, sử dụng với

			các phím số để chọn máy ảnh
		RRESET/REC	Sử dụng với các phím số để gọi điểm nhớ
		PATTERN	- Nhấn PATTERN trực tiếp hoặc 0 + PATTERN để gọi chế độ tự động quét (scan) - Sử dụng với các phím số (> 0) để gọi pattern.
		PATROL/PLAY	- Sử dụng với các phím số để gọi Patrol. - Bắt đầu phát các tập tin video trong chế độ hoạt động của DVR.
		WIN	Trong chế độ hoạt động phím tắt, sử dụng với các phím số để chọn cửa sổ video wall.
		MULT	Trong chế độ hoạt động phím tắt, sử dụng với các phím số để chọn phân chia chế độ cửa sổ của video wall.
		SCENE	Trong chế độ hoạt động phím tắt, sử dụng với các phím số để chuyển đổi khung ảnh.
		DEV	Sử dụng với các phím số để chọn ID thiết bị
		CAM-G	Trong chế độ hoạt động phím tắt, sử dụng với các nút số để chọn nhóm camera.
		AUX/F2	Thực hiện các chức năng phụ trợ được xác định (hình ảnh chụp hoặc nội màn hình của video wall)
		PREV	Trong chế độ thao tác phím tắt, chuyển sang ID camera trước hoặc ID nhóm camera
		NEXT	Trong chế độ thao tác phím tắt, chuyển sang ID camera tiếp theo hoặc ID nhóm camera
3	Các phím chữ và số	0-9/A-Z	Nhập số và ký tự trong chế độ chỉnh sửa
4	Điều khiển PTZ / DVR	WIPER/ MENU	- Trong chế độ điều khiển PTZ để bật / tắt wiper. - Trong chế độ hoạt động của DVR, nhập vào menu chính của DVR.
		LIGHT/F1	- Trong chế độ điều khiển PTZ, để bật / tắt ánh sáng. - Trong chế độ hoạt động DVR, giống với F1 trên bảng điều khiển của DVR.
		FOCUS+/A	- Trong chế độ điều khiển PTZ, để chọn focus + - Trong chế độ hoạt động của DVR, tương ứng phím A trên bảng điều khiển DVR. - Trong chế độ chỉnh sửa, để chuyển chế độ nhập ký tự: chữ số (123), chữ hoa (ABC) và chữ thường (abc).
		FOCUS-/MULT	- Trong chế độ điều khiển PTZ, để chọn focus- - Trong chế độ hoạt động của DVR, tương ứng phím

			MULT trên DVR.
		IRIS+/EDIT	- Trong chế độ điều khiển PTZ, chức năng iris+ - Trong chế độ hoạt động của DVR, tương ứng phím EDIT trên bảng điều khiển DVR.
		IRIS-/PTZ	- Trong chế độ điều khiển PTZ, chức năng iris- - Ở chế độ hoạt động DVR, giống với PTZ trên bảng điều khiển DVR.
		ZOOM+	Trong chế độ điều khiển PTZ, chức năng zoom+
		ZOOM- MAIN/SPOT	- Trong chế độ điều khiển PTZ, chức năng zoom- - Trong chế độ hoạt động của DVR, tương ứng phím MAIN / SPOT trên bảng điều khiển DVR.
5	Màn hình		Màn hình 128 x 64 pixel

3.1. Thiết lập chế độ điều khiển

Bước 1: Login thiết bị

User : admin

Pswd : ***** 123

Bước 2: Chọn chế độ hoạt động bằng cách bấm phím “**MODE**” trên bàn điều khiển

1. Keyboard
2. MAG by IP
3. DVR by IP
4. MAG by RS-422

5. DVR by RS-485
6. Dome by RS-485

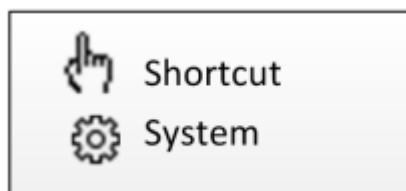
STT	Chế độ hoạt động	Chức năng
1	Keyboard	Được sử dụng để điều khiển và quản lý thiết bị điều khiển
2	MAG by IP	Bàn phím kết nối với bộ ma trận và thực hiện kiểm soát video wall, PTZ, vv
3	DVR by IP	Bàn phím kết nối với DVR / NVR và gọi menu thiết bị hoặc thực hiện PTZ
4	MAG by RS-422	Bàn phím có thể kết nối với bộ ma trận, MVC qua cổng RS-422
5	DVR by RS485	Bàn phím có thể kết nối với DVR/NVR qua cổng RS-485
6	Dome by RS-485	Bàn phím có thể kết nối với camera PTZ qua cổng RS-485

3.2. Điều khiển thiết bị

Bước 1: Login thiết bị

User : admin
 Pswd : ***** 123

Bước 2: Dùng cần điều khiển chọn “**Shortcut**”



Bước 3: Chọn thiết bị cần điều khiển (được kiểm soát theo ID của camera được thêm vào bàn khiển)

Bấm phím “**Phím Số**” + “**CAM**” để điều khiển camera với ID tương đương

DEV: 2
 MON: 2
 CAM: 6

Bước 4: Gọi Preset/Patrol/Pattern

Gọi điểm nhớ: Nhấn “**Phím số**” + “**Preset**” trên bàn khiển để gọi điểm nhớ.

Gọi Patrol: Nhấn “**Phím số**” + “**Patrol**” trên bàn khiển để gọi patrol.

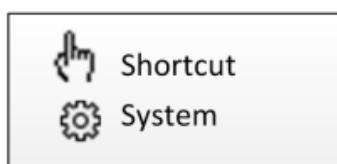
Gọi Pattern: Nhấn “**Phím số**” + “**Pattern**” trên bàn khiển để gọi pattern.

3.3. Cài đặt hệ thống

- Login vào bàn khiển

User : admin
 Pswd : ***** 123

- Dùng cần điều khiển chọn “**System**”



- Menu cấu hình hệ thống

1. Version
 2. Network
 3. User
 4. RS-485

5. RS-422
 6. Hardware
 7. Time
 8. Maintenance

(1) Version

- Thông tin phần mềm hệ thống

(2) Network

- Thông tin địa chỉ mạng nội bộ

(3) User

- Thông tin người dùng

1. Change Pswd
2. Add User
3. Edit User
4. Delete User

(4) RS-485

Add. Bit: 0 123
Baud Rate: 9600
Data Bit: 8
PROT: PELCO-P

Stop Bit: 0
Parity: None
Copy All: No

(5) RS-422

Add. Bit: 0 123
Baud Rate: 9600
Data Bit: 8
PROT: PELCO-P

Stop Bit: 0
Parity: None
Copy All: No

(6) Hardware

A-Logoff: ON

(7) Time

- Thời gian hiển thị trên thiết bị

(8) Maintenance

① Upgrade
② Import
③ Export
④ Default

Thank you!